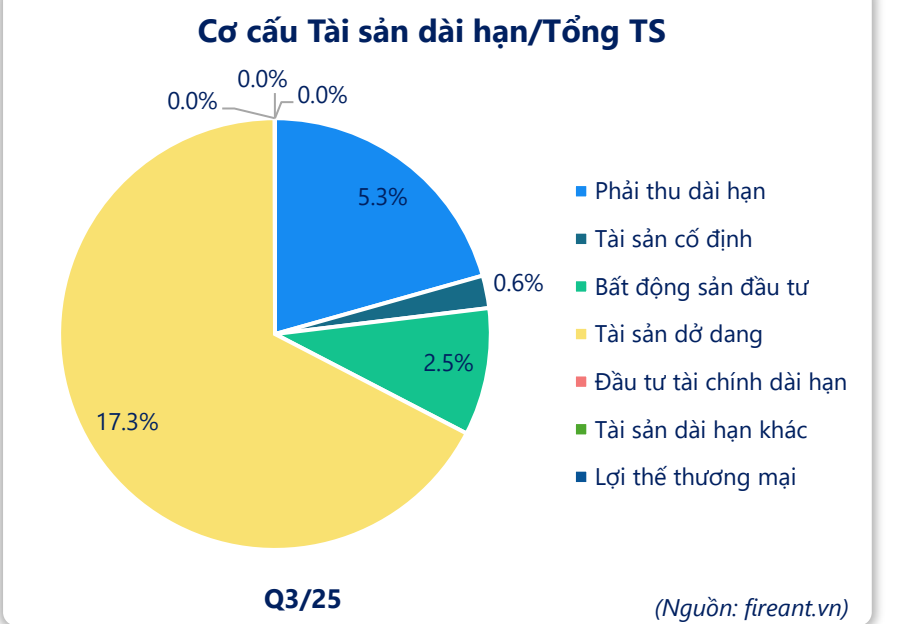
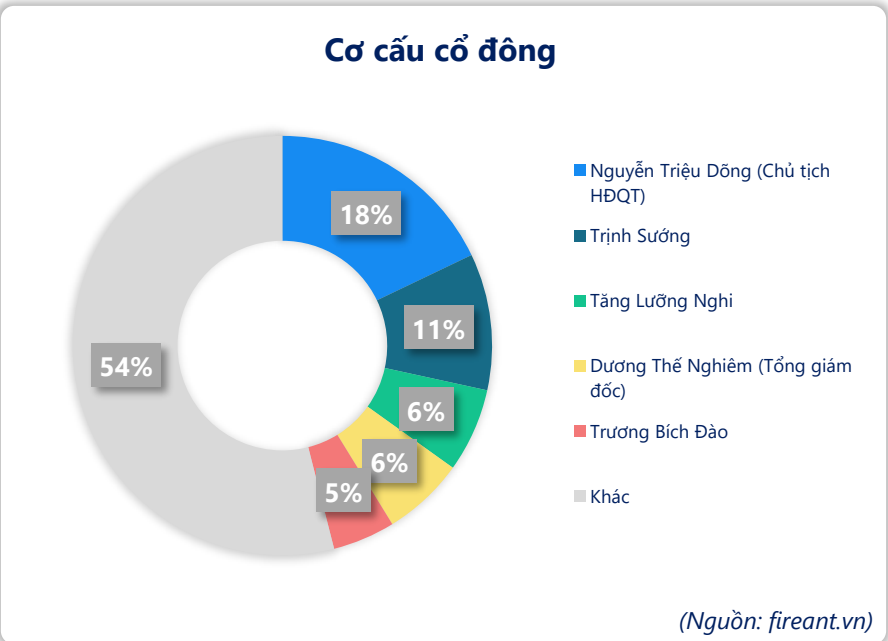
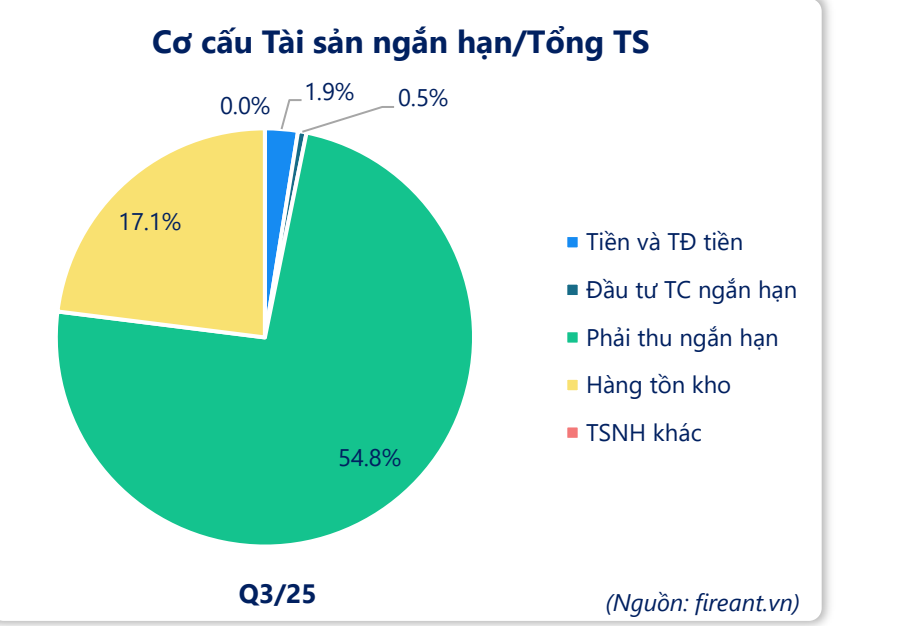
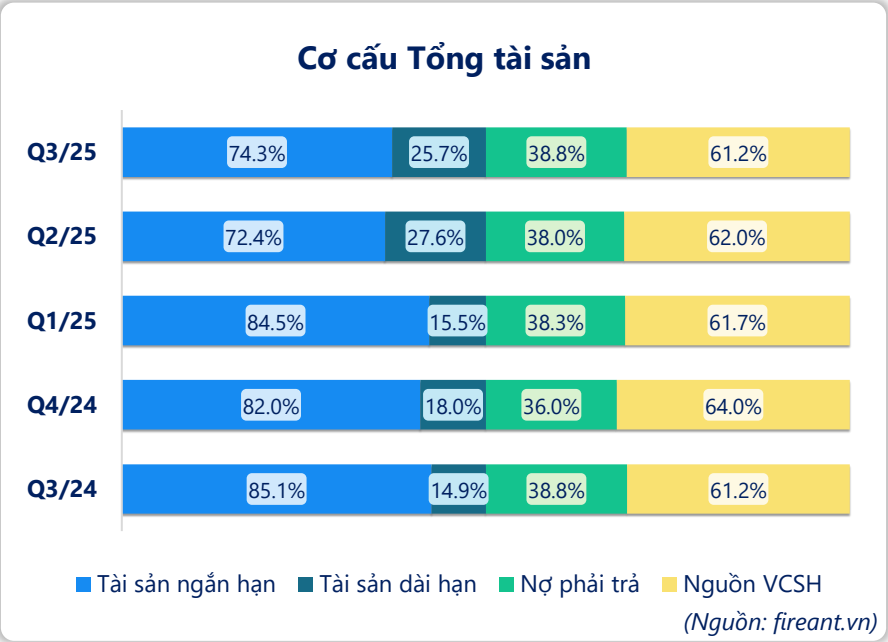
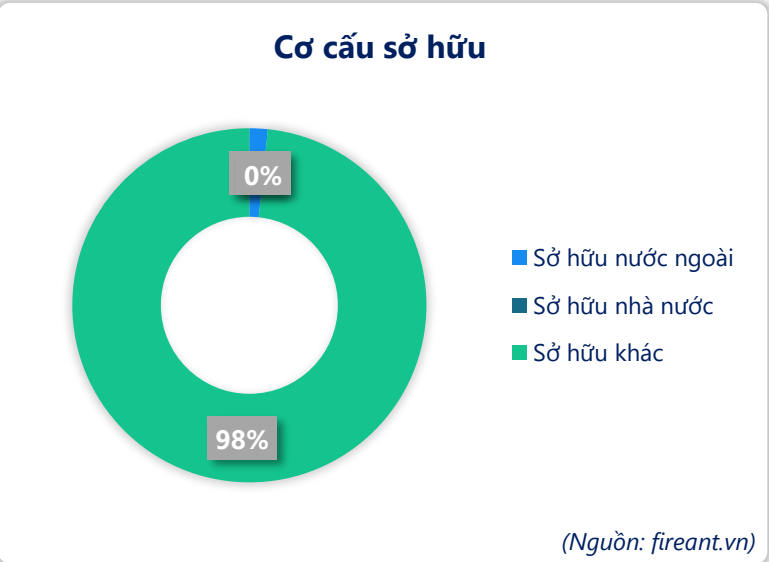
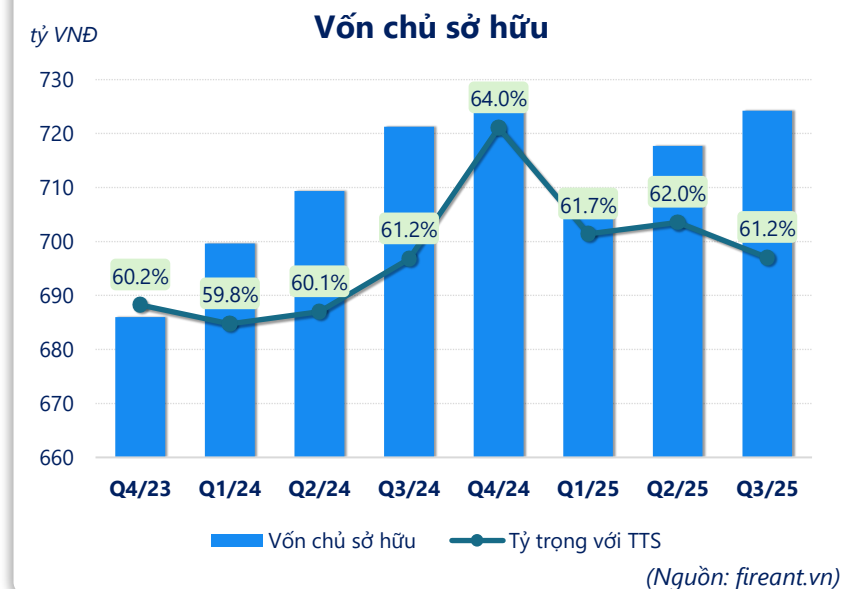
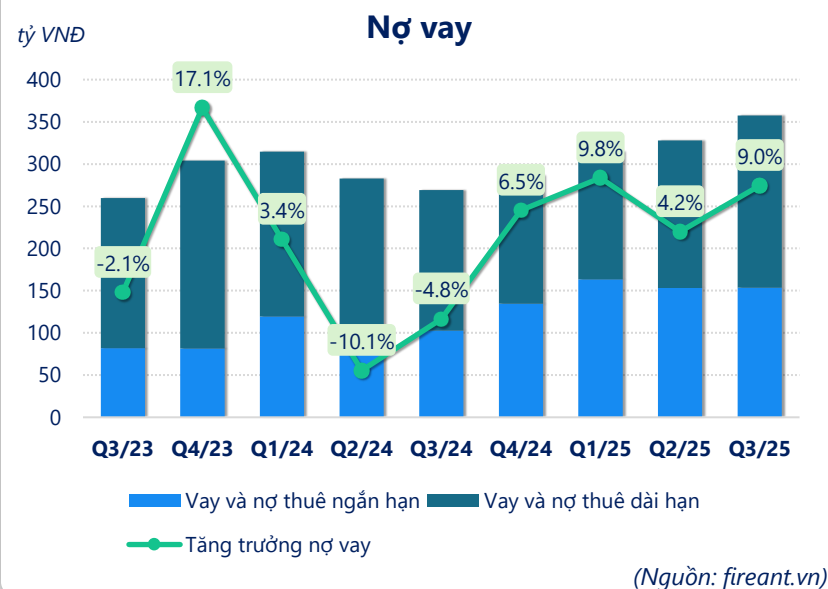
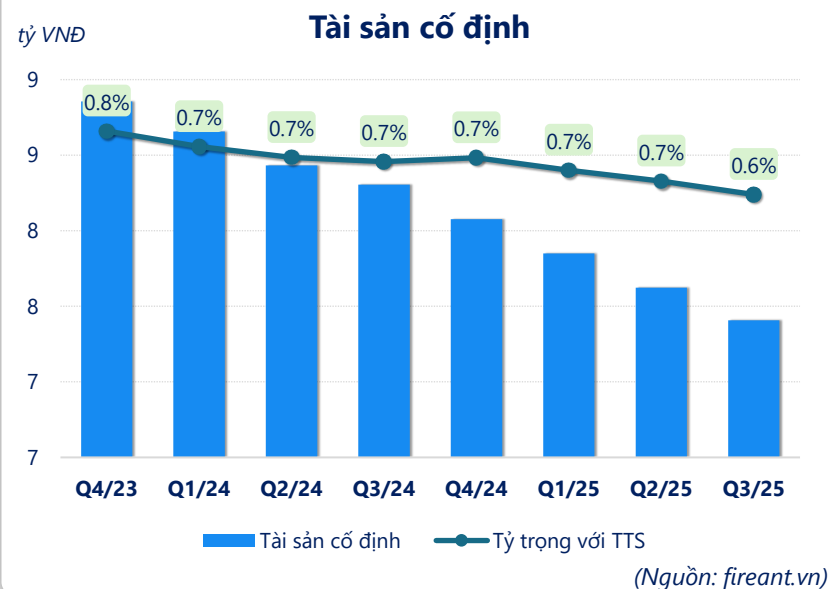
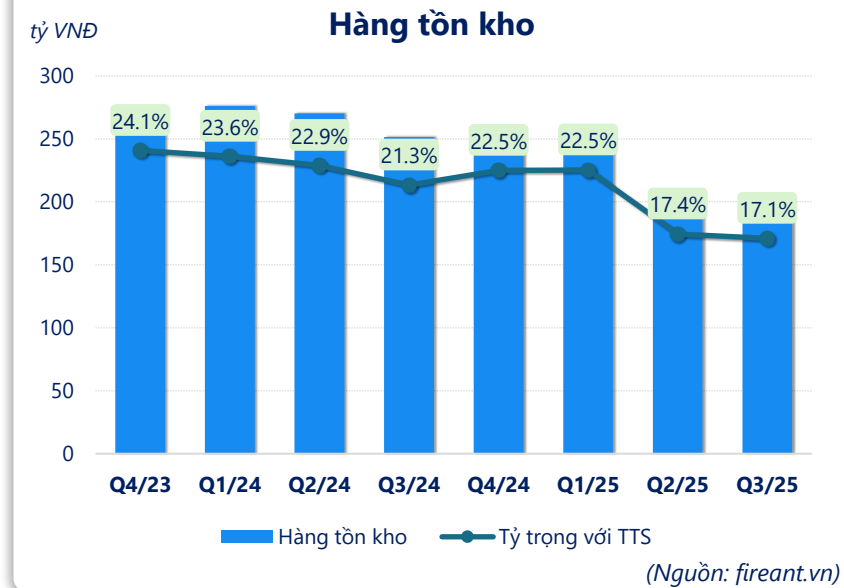
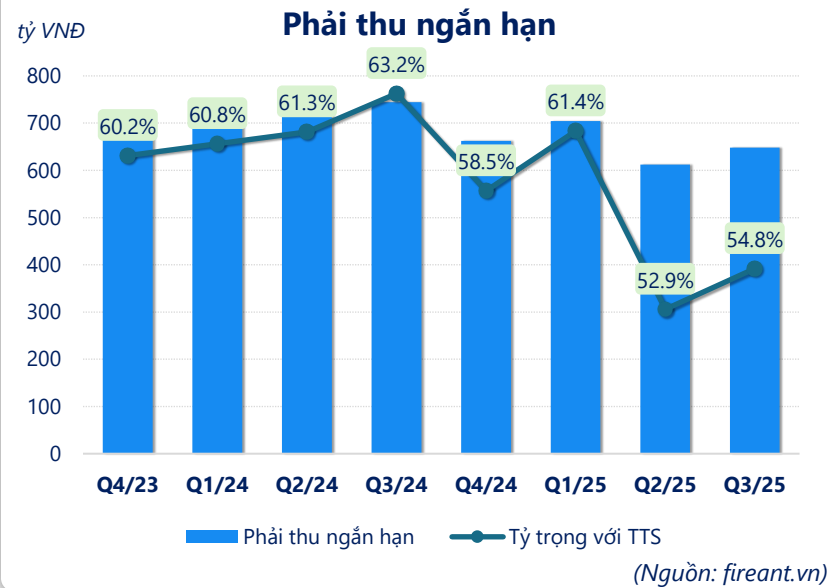
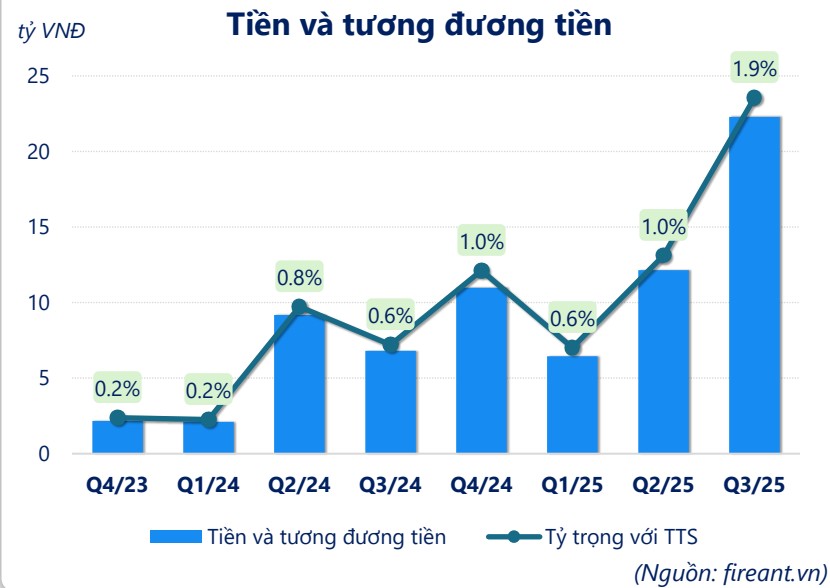
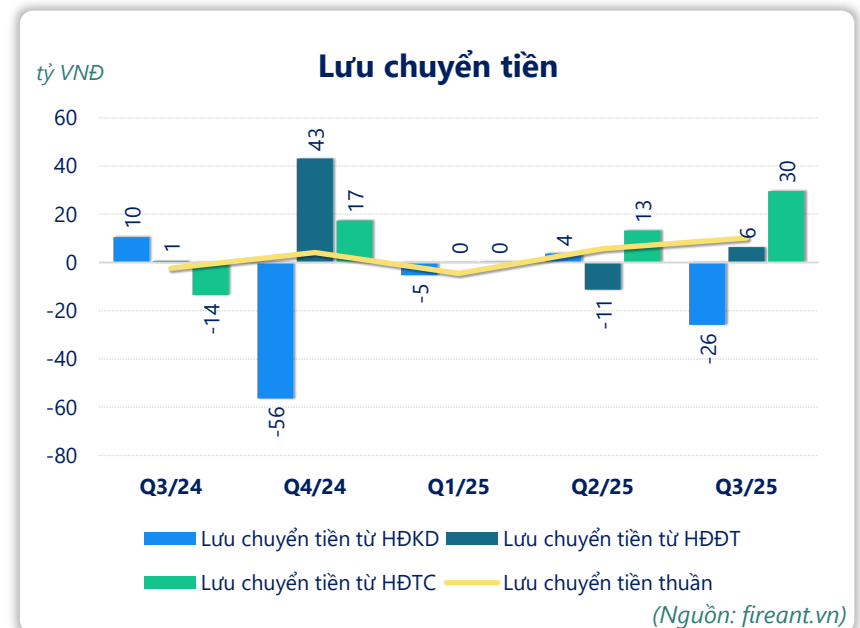
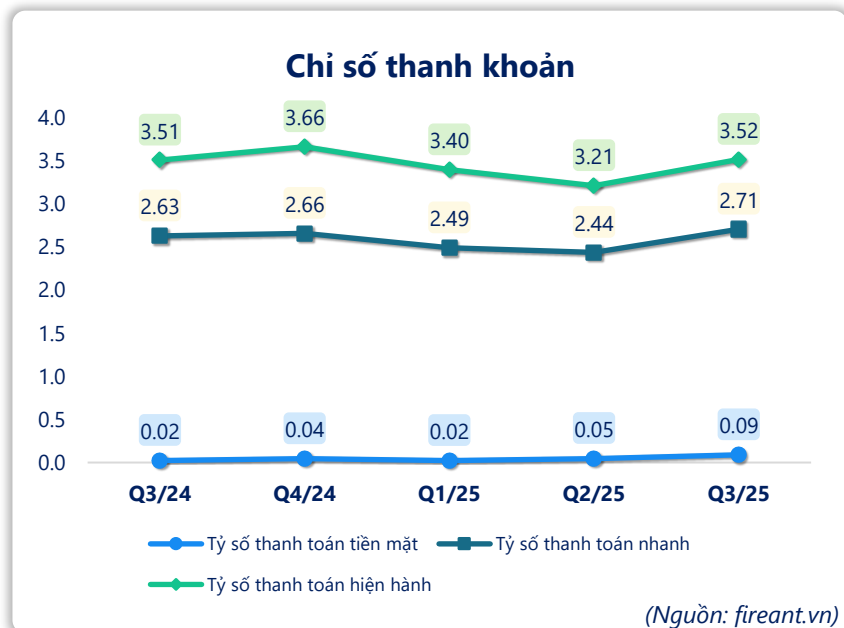
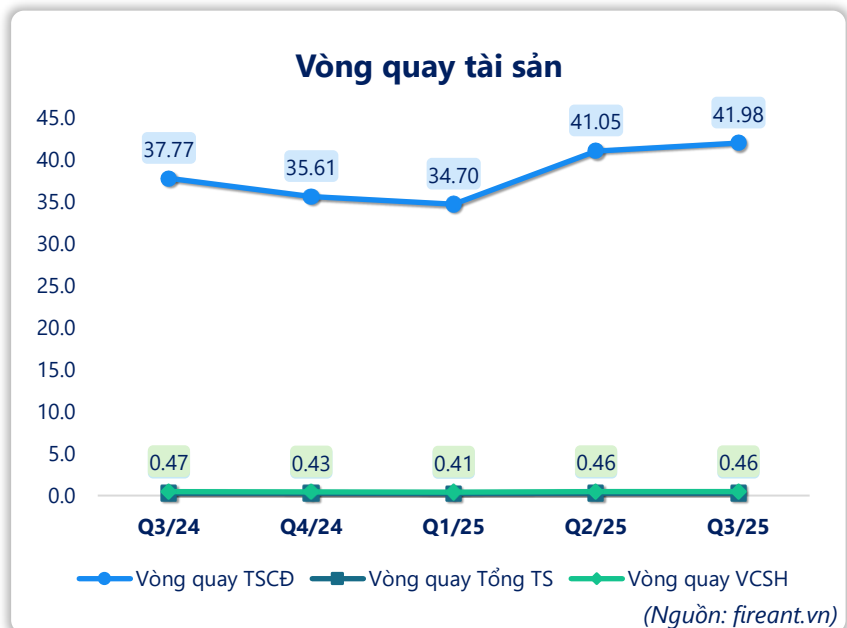
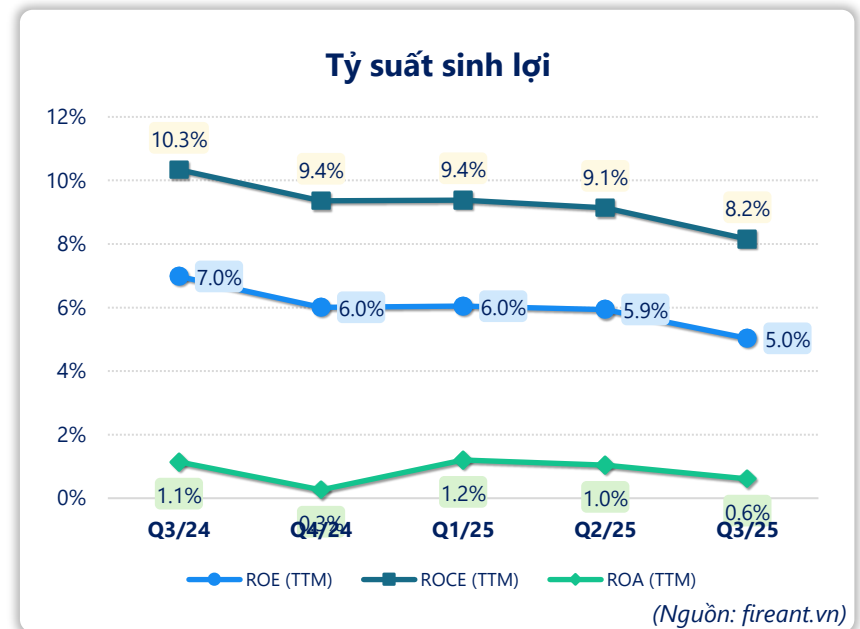
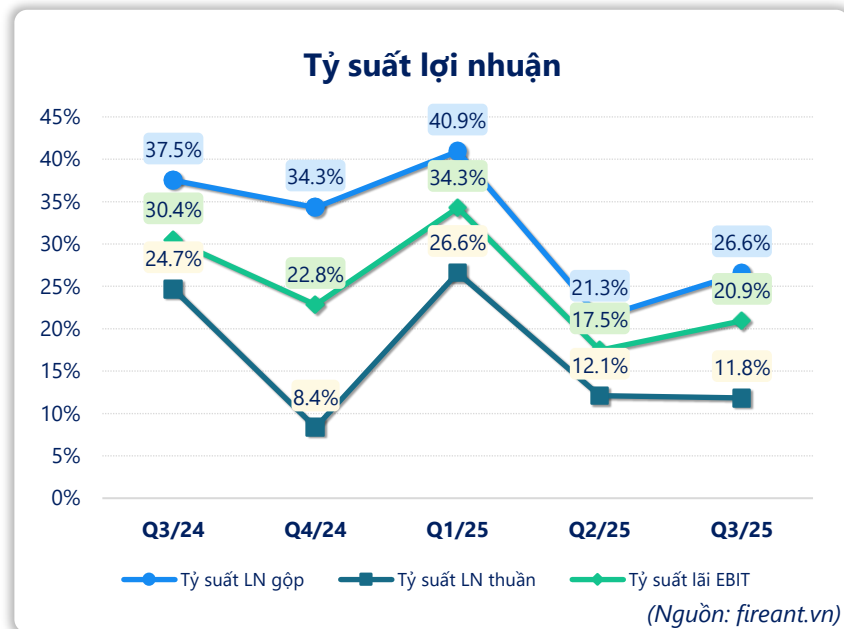
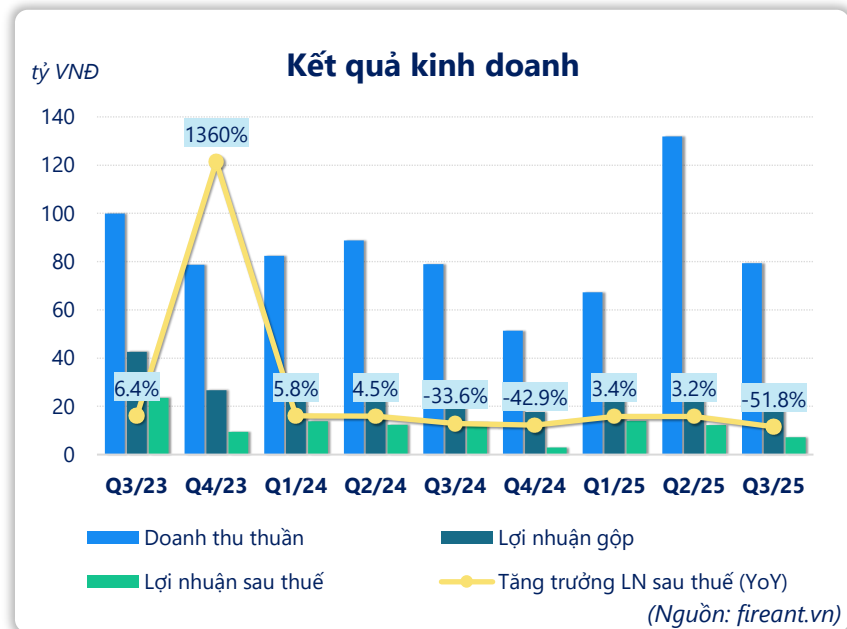


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		6,880
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		9,430
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,690
SL cổ phiếu LH		59,581,418
KLGD BQ 20 phiên (CP)		249,635
% sở hữu nước ngoài		1.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		410
P/E		11.3
EPS		610

	YTD	1T	3T	6T
CCL	-24.0%	-3.5%	0.0%	-8.9%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,183	1,132	4.5%
Tài sản ngắn hạn	879	928	-5.3%
Tiền và tương đương tiền	22.3	11.0	103%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.77	0.02	26083%
Phải thu ngắn hạn	648	662	-2.1%
Hàng tồn kho	202	255	-20.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	304	204	49.2%
Phải thu dài hạn	62.8	62.8	0.0%
Tài sản cố định	7.41	8.08	-8.3%
Bất động sản đầu tư	29.0	30.2	-3.9%
Tài sản dở dang	205	103	99.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.05	0.13	-64.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	459	409	12.1%
Nợ ngắn hạn	250	277	-9.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	153	157	-2.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	3.88	7.48	-48.1%
Nợ dài hạn	209	132	57.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	204	130	57.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	724	723	0.2%
Vốn chủ sở hữu	724	723	0.2%
Vốn điều lệ	596	596	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	79.0	51.3	67.3	132	79.4
Giá vốn hàng bán	49.4	33.7	39.8	104	58.3
Lợi nhuận gộp	29.6	17.6	27.6	28.1	21.1
Doanh thu HĐTC	0.10	0.12	0.30	0.11	0.69
Chi phí TC	8.40	10.1	7.70	10.1	10.2
Chi phí lãi vay	6.91	8.03	5.57	7.61	7.51
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.07	1.05	0.28	0.45	0.46
Chi phí QLDN	1.78	2.27	1.98	1.67	1.70
LN thuần từ HĐKD	19.5	4.29	17.9	16.0	9.39
Lợi nhuận khác	-2.35	-0.61	-0.40	-0.56	-0.28
LN trước thuế	17.2	3.68	17.5	15.4	9.11
Lợi nhuận sau thuế	13.3	2.99	13.9	12.2	7.23
LNST của CĐ cty mẹ	13.3	2.99	13.9	12.2	7.23

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	10.5	-56.3	-5.29	3.68	-25.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.71	43.1	0.30	-11.3	6.35
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-13.6	17.4	0.46	13.3	29.6
Tiền đầu kỳ	9.18	6.80	11.0	6.45	12.2
Lưu chuyển tiền thuần	-2.38	4.18	-4.53	5.71	10.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.80	11.0	6.45	12.2	22.3

(Nguồn: fireant.vn)